

Giáo trình Kinh tế học

Chương 1

GIỚI THIỆU

I. Các mô hình kinh tế

1. Kinh tế học: *Nghiên cứu cách phân phối các nguồn lực khan hiếm cho các nhu cầu vô hạn*

1. Kinh tế học vi mô

Kinh tế vi mô nghiên cứu hành vi ra quyết định của các tác nhân kinh tế đơn lẻ trong nền kinh tế (như các doanh nghiệp, hộ gia đình, người tiêu dùng). Nó nghiên cứu sự tương tác qua lại giữa các tác nhân đó để xác định số lượng trao đổi, giá cả (thực chất là tác động giữa cung cầu để xác định giá hàng hoá và dịch vụ). Kinh tế vi mô tìm cách giải thích giá và số lượng của hàng hoá hoặc dịch vụ trao đổi trên thị trường như thế nào?

Ví dụ Siêu thị Metro Qua thời gian nghiên cứu thị trường tiêu dùng tại thành phố Đà Nẵng và khu vực Miền trung Metro quyết định mở siêu thị tại Đà Nẵng (Hà nội và thành phố HCM đã mở cách đây 5 năm). Siêu thị đã xác định mặt hàng kinh doanh, cách thức bán hàng, chi phí sản xuất, giá cả hàng hoá, khuyến mãi. Khi đưa ra các quyết định đó Metro phải nghiên cứu chiến lược của đối thủ như siêu thị Bài thơ. Các cửa hàng kinh doanh nhỏ lẻ, các chợ trên địa bàn v...v....

Thị trường

Sự tương tác cung và cầu (người mua và người bán) hình thành nên thị trường.

Thị trường là sự tương tác giữa cung và cầu qua đó xác định giá và lượng hàng hoá hoặc dịch vụ trao đổi

Thị trường là trung tâm của mọi hoạt động kinh tế. Tính đa dạng trong hoạt động trao đổi giữa người mua và người bán hình thành nên các hình thái thị trường khác nhau: Cạnh tranh hoàn hảo; Độc quyền và Cạnh tranh không hoàn hảo

Phạm vi thị trường

Phạm vi thị trường chỉ ra ranh giới về mặt địa lý cũng như ranh giới về ngành hàng

Ví dụ thị trường xe máy ở thành phố Đà Nẵng, thị trường xe máy ở Miền trung

Tác dụng và hạn chế của kinh tế học vi mô

- Kinh tế học giúp chúng ta giải thích và dự đoán các hiện tượng kinh tế về phương diện lý thuyết có tính khoa học (Tính khoa học thể hiện ở 3 giai đoạn: *Quan sát và đo lường các hiện tượng kinh tế; Xây dựng các mô hình; Kiểm tra các mô hình.* Tính hiệu quả của một lý thuyết được thể hiện ở chỗ lý thuyết đó có thành công trong việc giải thích và dự đoán một chuỗi các hiện tượng mà nó nghiên cứu hay không?

- Về phương diện lý thuyết, Kinh tế vi mô được xây dựng trên cơ sở thực tế có kiểm nghiệm thông qua kỹ thuật thống kê và kinh tế lượng. Lý thuyết không phải hoàn toàn đúng do vậy cần phải được kiểm nghiệm và điều chỉnh, cải tiến và loại bỏ. Quá trình kiểm định và cải tiến các lý thuyết đóng vai trò trung tâm của sự phát triển của kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng

Ứng dụng: *Mỗi cá nhân lấy và phân tích một hoạt động của Kinh tế vi mô trong thực tế*

2. Mô hình cung cầu đơn giản

- Định nghĩa cầu

Cầu là những số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ khác nhau mà người tiêu dùng dự kiến mua ở các mức giá khác nhau trong một thời kỳ nhất định với các biến số khác không đổi(Ceteri - Paribus)

- Định nghĩa cung

Cung là những số lượng hàng hoá hoặc dịch vụ khác nhau mà các doanh nghiệp có khả năng cung ứng ra thị trường ở các mức giá khác nhau trong một thời kỳ nhất định với các biến số khác không đổi(Ceteri - Paribus)

- **Mô hình cung cầu cơ bản**

Mô hình cung cầu mô tả giá hàng hoá được xác định bởi hành vi của người mua và người bán hàng hoá trên thị trường như thế nào

Mô hình cung cầu cơ bản để xác định giá hàng hoá là vấn đề chính trong toàn bộ khoá mở đầu về kinh tế của chương trình đào tạo các cử nhân kinh tế

“Thuyết bàn tay vô hình” của Adam – Smith

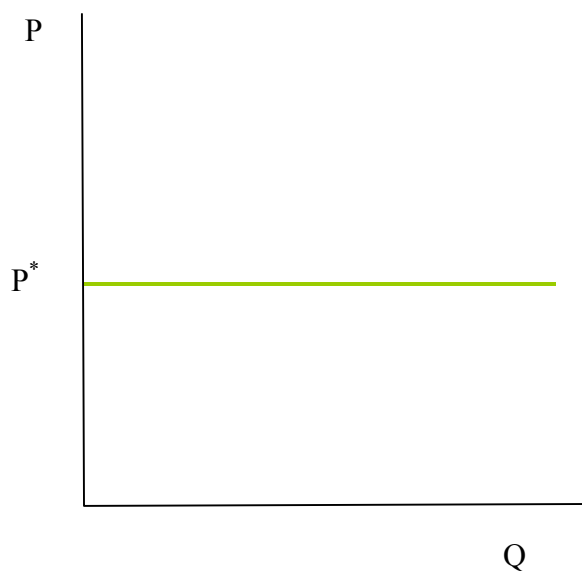
Điều quan trọng nhất của Adam Smith là ông thừa nhận hệ thống thị trường sẽ xác định giá cả hàng hoá và giá cả là “bàn tay vô hình” để hướng nguồn lực vào trong các hoạt động mà ở đó nó có giá trị nhất. Adam Smith ông rằng con người có khả năng sử dụng các nguồn lực có hiệu quả, nó cung cấp nền tảng để giải thích sự giàu có của quốc gia. Theo Adam Smith giá cả có vai trò to lớn của trong việc phân phối các nguồn lực của quốc gia

Đối với Adam Smith thì mối quan hệ của giá cả hàng hoá được xác định bởi mối quan hệ về chi phí lao động để sản xuất ra nó, điều này được phản ánh trên đồ thị hình 1.1a

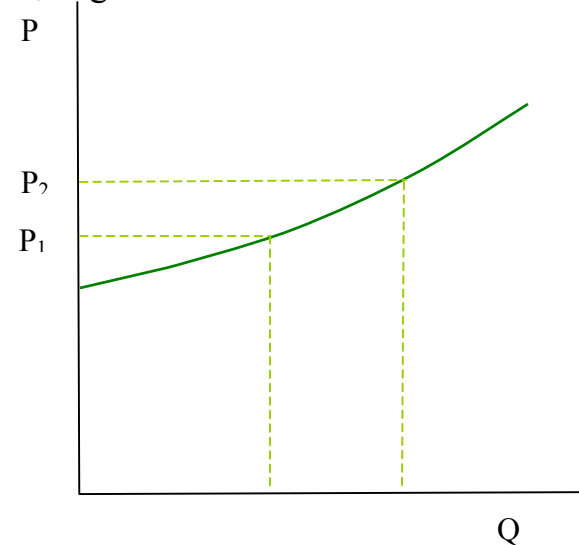
David Ricardo và sự giảm dần hiệu suất (Davide Ricardo 1772 – 1823)

Trên cơ sở quan điểm của Adam Smith, Ricardo đã bổ sung thêm khái niệm hiệu suất giảm dần. Theo ông mối liên hệ giữa sự tăng thêm của giá cả hàng hoá đồng thời với việc tăng thêm của sản lượng sản xuất. Ricardo tin rằng hiện tượng tăng thêm của chi phí khi tăng sản xuất là hoàn toàn có tính chất chung. Và ngày nay chúng ta đã khám phá ra quy luật hiệu suất giảm dần. Điều đó thể hiện đường cung hàng hoá dốc lên hay đường cung có hệ số góc dương (hình 1.1b)

Hình 1.1 Cái nhìn ban đầu về xác định giá



a) Mô hình của Smith



b) Mô hình của Ricardo

- **Cân bằng thị trường, mô hình cung - cầu của Marshall (Alfred Marshall 1842 - 1924)**

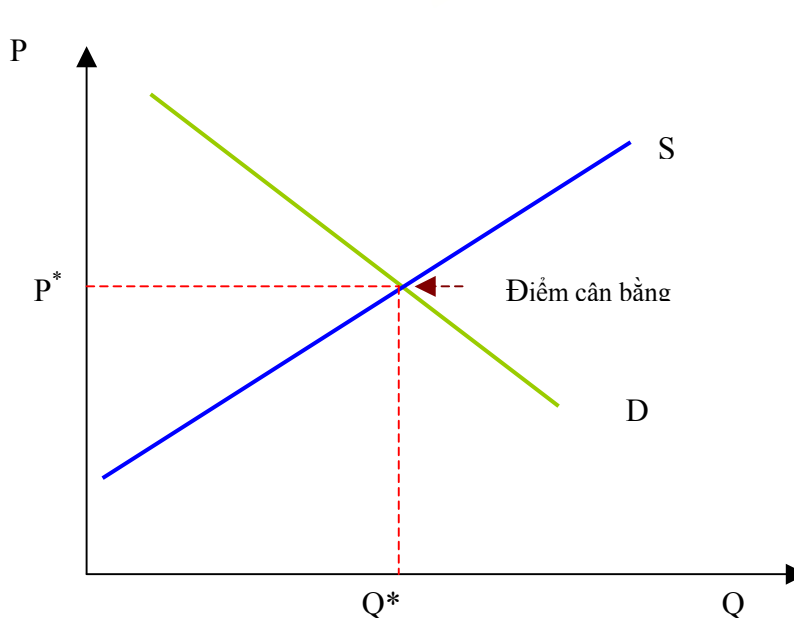
Marshall cho rằng cung cầu hàng hoá trên thị trường tác động qua lại để hình thành nên giá thị trường. Đường cầu phản ánh tổng số hàng hoá mà người tiêu dùng muốn mua ở tại mức giá đã cho. Bởi vì người tiêu dùng sẽ trả ít hơn cho đơn vị hàng hóa mua cuối cùng. Hệ số góc âm của đường cầu phản ánh quy luật lợi ích biên giảm dần

Đường cung phản ánh sự tăng lên của chi phí để sản xuất thêm một đơn vị hàng hoá bổ sung. Hệ số góc dương của đường cung phản ánh quy luật hiệu suất giảm dần (chi phí biên tăng dần). Sự phân tích của Marshall phản ánh trên hình 1.2

Cân bằng thị trường là tại đó lượng hàng hoá được mua(cầu) bằng lượng hàng hoá(cung) được bán

Hình 1.2 Biểu diễn cân bằng cung cầu

Bảng 1.1



Giá hàng hoá (1000đ/SP	Số lượng cầu (Triệu / tháng)	Số lượng cung (triệu/ tháng)
10	200	0
20	180	30
30	160	60
40	140	90
50	120	120
60	100	140
70	80	160
80	60	180
90	40	200

Bảng 1.1 biểu diễn số lượng cung cầu của một hàng hoá ở các mức giá khác nhau. Tại mức giá 50 lượng cung và lượng cầu bằng nhau $Q_s = Q_D = 120$. Bất kỳ một mức giá nào ngoài mức giá cân bằng đều gây sự dư thừa hoặc thiếu hụt. Ví dụ tại mức giá 40 thấp hơn giá cân bằng lượng cầu 140 nhưng lượng cung 90, xảy ra tình trạng thiếu hàng

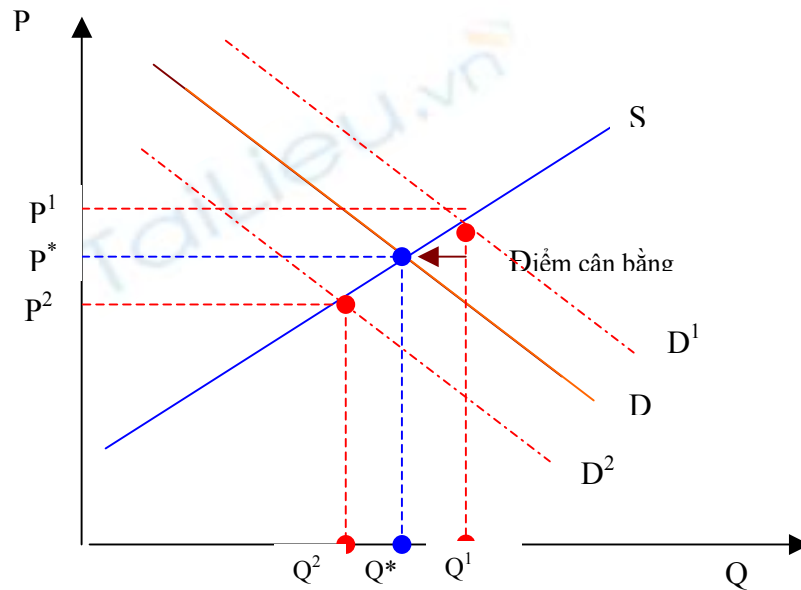
Tác động của sự không cân bằng

Nếu giá vượt quá giá P^* lượng cầu sẽ nhỏ hơn lượng cung gây ra một sự thừa cung(Chính phủ quy định giá trong nông nghiệp). Ngược lại nếu giá thấp hơn P^* , người mua muốn mua nhiều hơn gây ra tình trạng thiếu hụt hàng hoá, sẽ đẩy tình trạng tăng giá trên thị trường

Thay đổi cân bằng thị trường

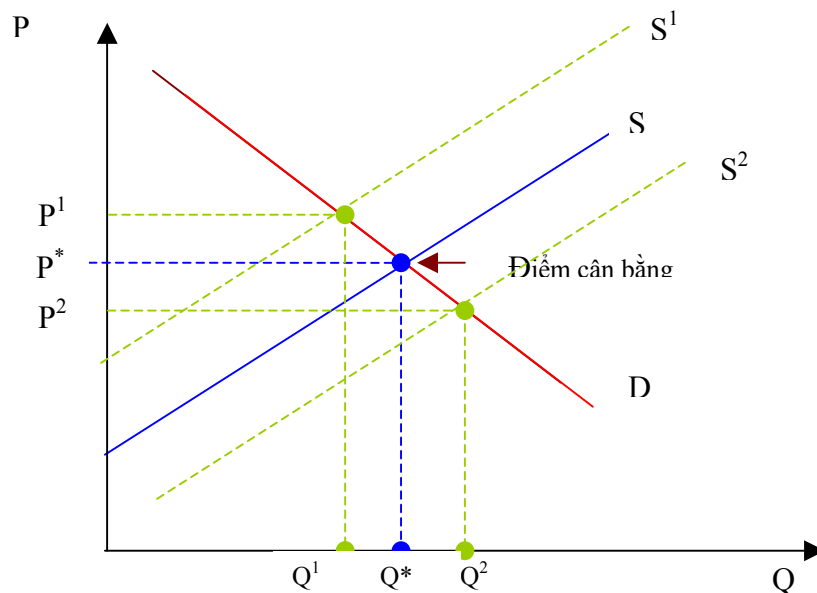
-Thay đổi cân bằng do sự thay đổi của cầu

Hình 1.3 Biểu diễn sự thay đổi cân bằng do thay đổi cầu



-Thay đổi cân bằng do sự thay đổi cung

Hình 1.4 thay đổi cân bằng do thay đổi cung



3. Mô hình cung cầu nhiều thị trường

Mô hình cung cầu nêu ở trên chỉ xét đến sự cân bằng cung cầu của một hàng hoá, nó không tính đến sự tham gia của nhiều thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Để xem xét ảnh hưởng của sự thay đổi trong một thị trường đến một thị trường khác chúng ta sử dụng mô hình cân bằng chung với sự tham gia đồng thời của toàn bộ thị trường

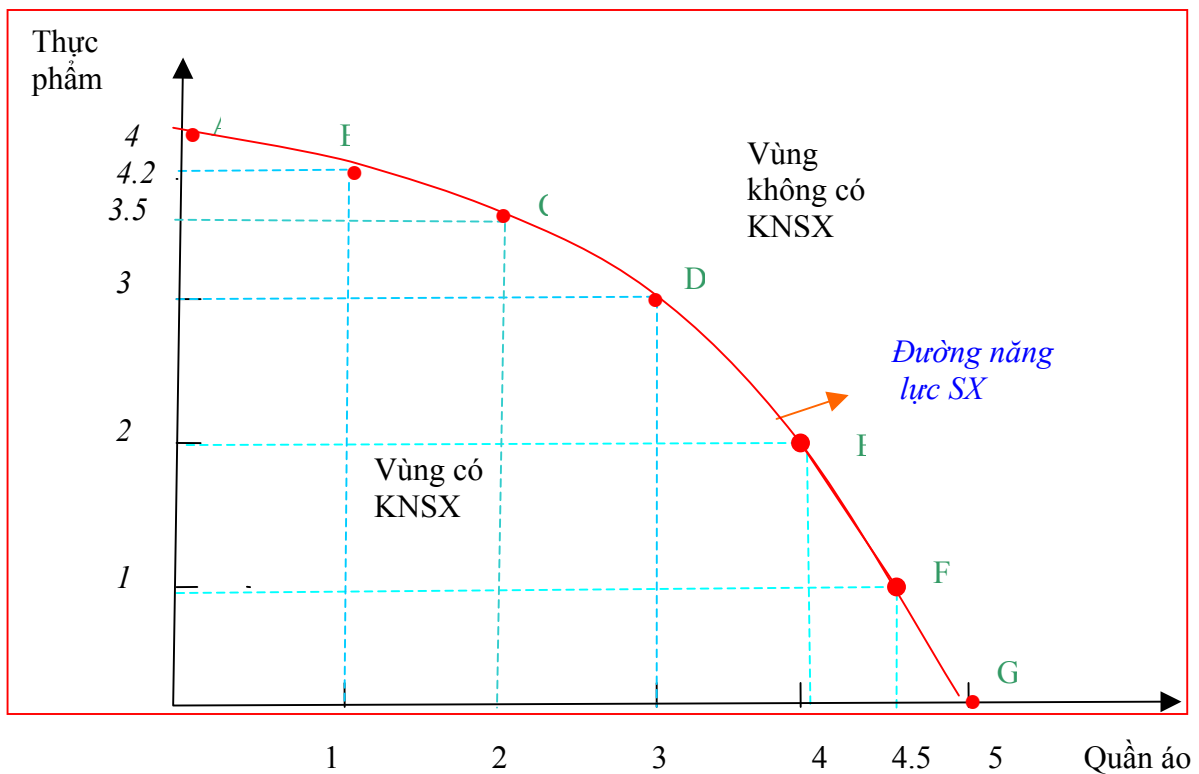
Đường giới hạn năng lực sản xuất

Đường giới khả năng sản xuất biểu diễn toàn bộ các tập hợp hai hàng hoá có khả năng sản xuất với một nguồn lực được xác định

Đường giới hạn NLSX vạch ra ranh giới giữa tổ hợp hàng hoá hoặc dịch vụ có khả năng SX và tổ hợp không có khả năng SX

Đường giới hạn NLSX chỉ ra tập hàng hoá hoặc dịch vụ tối đa có thể SX với nguồn lực và kỹ thuật được xác định

Hình 1.5 Đường giới hạn năng lực sản xuất



Những tổ hợp quần áo và thực phẩm ở bên ngoài đường năng lực SX không thể SX được bởi vì không đủ nguồn lực để thực hiện. Đường giới hạn năng lực SX thể hiện sự khan hiếm về nguồn lực, nó không đủ để có thể SX nhiều hàng hoá mà chúng ta mong muốn

Chi phí cơ hội

Sự khan hiếm về nguồn lực buộc chúng ta phải có sự lựa chọn trong số các tổ hợp để SX. Khi lựa chọn chúng ta phải chấp nhận chi phí cơ hội. trên đường giới hạn NLSX cho thấy ở điểm A khi tăng thêm 1 đơn vị quần áo, chúng ta phải từ bỏ 0,3 đơn vị thực phẩm, vậy chi phí cơ hội của đơn vị quần áo thứ 2 là 0,3 đơn vị thực phẩm. Ở điểm B khi tăng thêm 0,5 đơn vị quần áo chúng ta phải từ bỏ 1 đơn vị thực phẩm, vậy chi phí cơ hội của đơn vị quần áo thứ 5 là 2 đơn vị thực phẩm

Số đơn vị hàng hoá phải từ bỏ

Chi phí cơ hội = -----

Số đơn vị hàng hoá nhận được

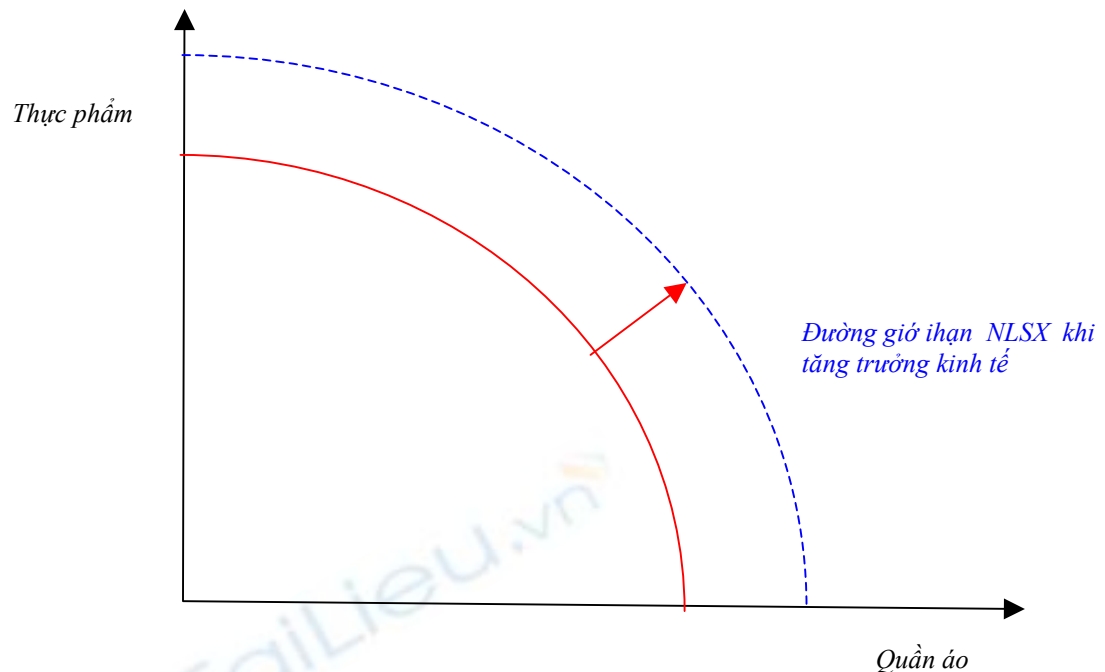
Đường giới hạn NLSX lồi về phía bên ngoài do “*quy luật chi phí cơ hội ngày càng tăng*”

Đường giới hạn NLSX là đường cong lồi thể hiện quy luật chi phí cơ hội ngày càng tăng. Để sản xuất thêm một đơn vị hàng hoá thì xã hội phải hy sinh ngày càng nhiều đơn vị hàng hoá khác

Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng khả năng sản xuất. Đường giới hạn NLSX sẽ dịch chuyển ra phía bên ngoài lý giải cho sự thay đổi nguồn lực và kt. Sự tích tụ vốn và tiến bộ kỹ thuật sẽ kéo theo sự dịch chuyển đường giới hạn NLSX ra phía ngoài.

Hình 1.6 Biểu diễn sự tăng trưởng kinh tế



III. Toán học trong kinh tế vi mô

Toán học được sử dụng trong kinh tế từ thế kỷ 19. Ngày nay toán học không thể thiếu được trong kinh tế

1. Hàm đơn biến

Biến số: Yếu tố cơ bản được sử dụng trong đại số đó là biến số. Người đặt X và Y là những biến số và cho bất kỳ một giá trị nào của X được một giá trị của Y . Mỗi quan hệ giữa X và Y được biểu hiện dưới dạng đại số được gọi là hàm số và hàm này được gọi là hàm quan hệ

Mỗi quan hệ này được biểu hiện dưới dạng hàm sau

$$Y = f(x) \quad (1.1)$$

Gọi Y là hàm số của X , giá trị của $Y \in$ giá trị đã cho của X , X được gọi là biến độc lập, nó được cho với bất kỳ giá trị nào. Giá trị của Y được xác định hoàn toàn phụ thuộc vào giá trị của X ; Y được gọi là biến phụ thuộc

Hàm số về mối quan hệ X và Y rất đa dạng, có hai trường hợp

a. Y là hàm tuyến tính của X

$$\text{Hàm của nó được biểu thị } Y = a + bX \quad (1.2)$$

Nếu cho $a = 4$ và $b = 2$ thì có thể viết phương trình như sau

$$Y = 4 + 2X \quad (1.3)$$

Bây giờ chúng ta sẽ đưa hàm (1.3) vào ứng dụng trong kinh tế. Giả định X là số lượng giờ lao động cần thuê, Y là chi phí lao động của một hãng. Phương trình trên thể hiện mối quan hệ giữa chi phí lao động của một hãng và lượng lao động được thuê. Trong trường hợp này chi phí cố định là \$4, tiền lương là 2\$/ giờ. Nếu hãng thuê 5 lao động thì tổng chi phí sẽ là

$$Y = 4 + 2 \times 5 = 14$$

Chúng ta tiếp tục cho lần lượt các giá trị của X sẽ thiết lập được bảng sau (Bảng 1.2)

$Y = 4 + 2X$		$Y = 15X - X^2$	
X	Y	X	Y
0	4	0	0
1	6	1	14
2	8	2	26
3	10	3	36
4	12	4	44
5	14	5	50
6	16	6	54

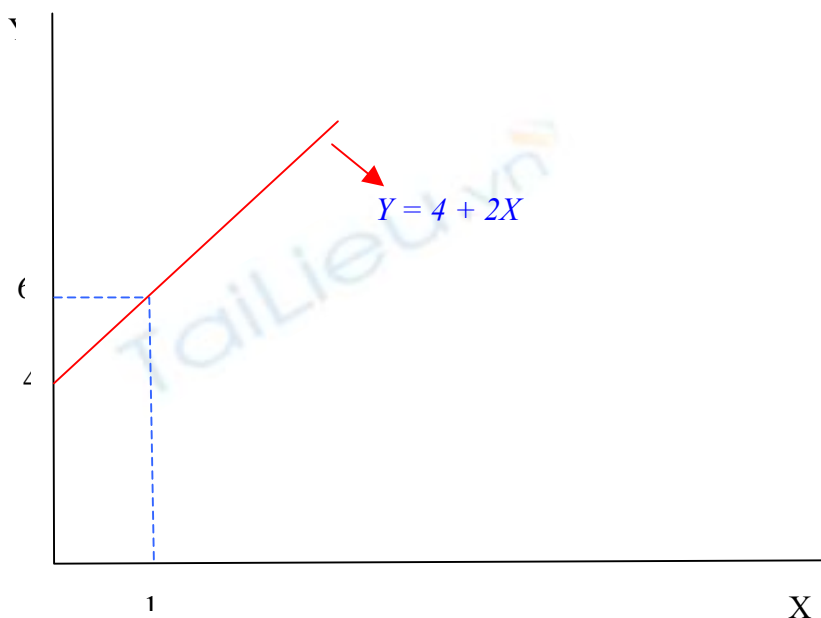
Đồ thị của hàm với đơn biến

Để biểu diễn trên đồ thị hàm một biến số, người ta thường biểu thị trục tung là giá trị của biến phụ thuộc Y và trục hoành biểu thị giá trị của biến độc lập X . X và Y có thể mang giá trị âm hoặc dương, cho X hai giá trị tương ứng có hai giá trị của Y , nối lại chúng ta được một đường thẳng, người ta gọi Y là hàm tuyến tính

Hàm tuyến tính: Bị chặn và hệ số góc

Hai đặc điểm quan trọng của đồ thị đường thẳng là giá trị bị chặn trên trục y và hệ số góc. Điểm chặn của là giá trị của Y khi X bằng 0

Với hàm đã cho $Y = 4 + 2X$, Y bị chặn ở giá trị 4, với phương trình $Y = a + bX$, điểm chặn của Y khi $X = 0$ là a. Biểu diễn trên hình 1.7



Hình 1.7 Đồ thị hàm tuyến tính

Hệ số góc

Chúng ta có thể xác định hệ số góc chuyển động theo đường thẳng bằng toán học.

$$\text{Hệ số góc} = \frac{\text{Thay đổi trên trục tung } \Delta Y}{\text{Thay đổi trên trục hoành } \Delta X} = \text{-----} \quad (1.5)$$

Với ví dụ trên, nếu cho X đi từ 0 đến 2, thì Y tương ứng từ 4 đến 8 vậy hệ số góc sẽ là $\text{Hệ số góc} = (8 - 4) / 2 = 2$

Hệ số góc có thể dương, âm và bằng 0, nếu hệ góc bằng 0 thì đồ thị sẽ là một đường nằm ngang tại giá trị trên trục Y bằng a

Hệ số góc và đơn vị đo lường

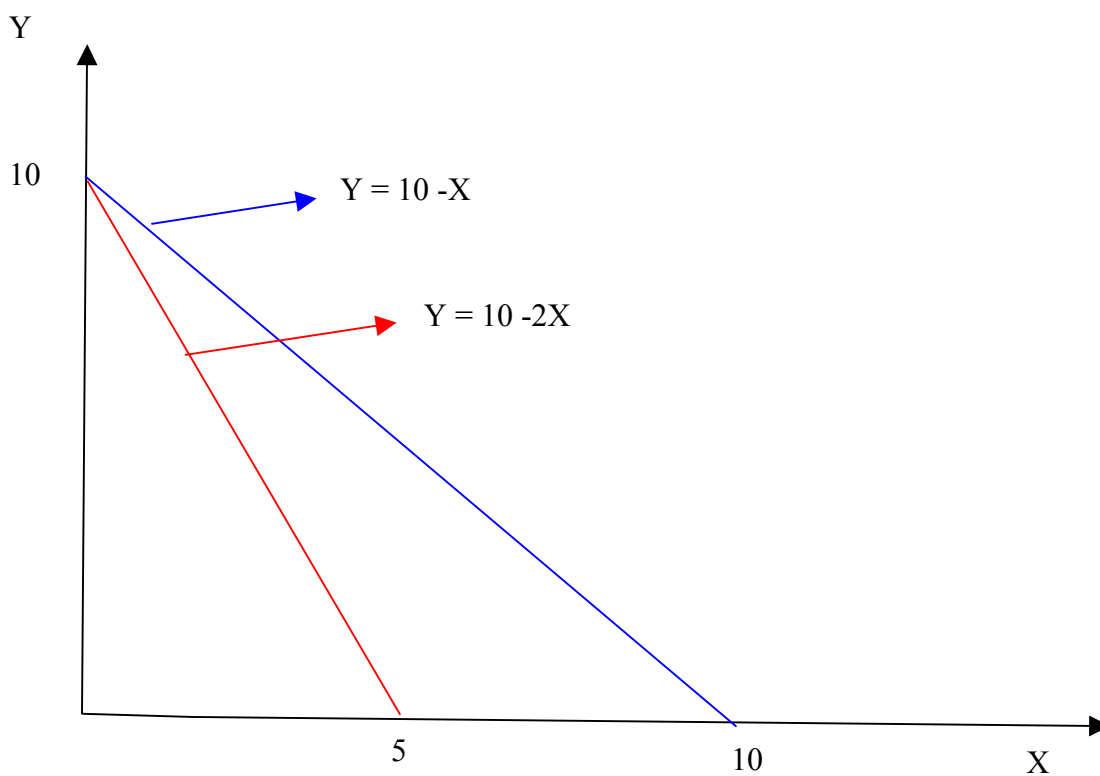
Góc của một hàm số phụ thuộc vào đơn vị đo lường của X và y với hàm cho ở trên chúng ta nghiên cứu tiêu dùng thực phẩm của một hộ gia đình phụ thuộc vào thu nhập $Y = 4 + 2X$, khi thu nhập của gia đình là 100\$ trong một tuần kết quả $(\Delta Y / \Delta X) = 2$ điều đó có nghĩa là khi thu nhập tăng 100\$ thì có 2 đơn vị thực phẩm được tiêu dùng thêm. Hệ số góc sẽ là $2 / 100 = 0.02$

Vậy phương trình sẽ là $Y = 4 + 0.02X$

Thay đổi hệ số góc

Cho hàm $y = 10 - X$, hệ số góc của hàm là -1 điểm chặn trên Y là 10, bây giờ cho hàm $Y = 10 - 2X$, điểm chặn trên trục Y không đổi nhưng hệ số góc của hàm bây giờ là -2 . Trong trường hợp này hệ số góc của hàm số đã thay đổi do vậy đồ thị của hàm số sẽ thay đổi bằng quay xung quanh điểm chặn trên trục Y (Hình 1.8)

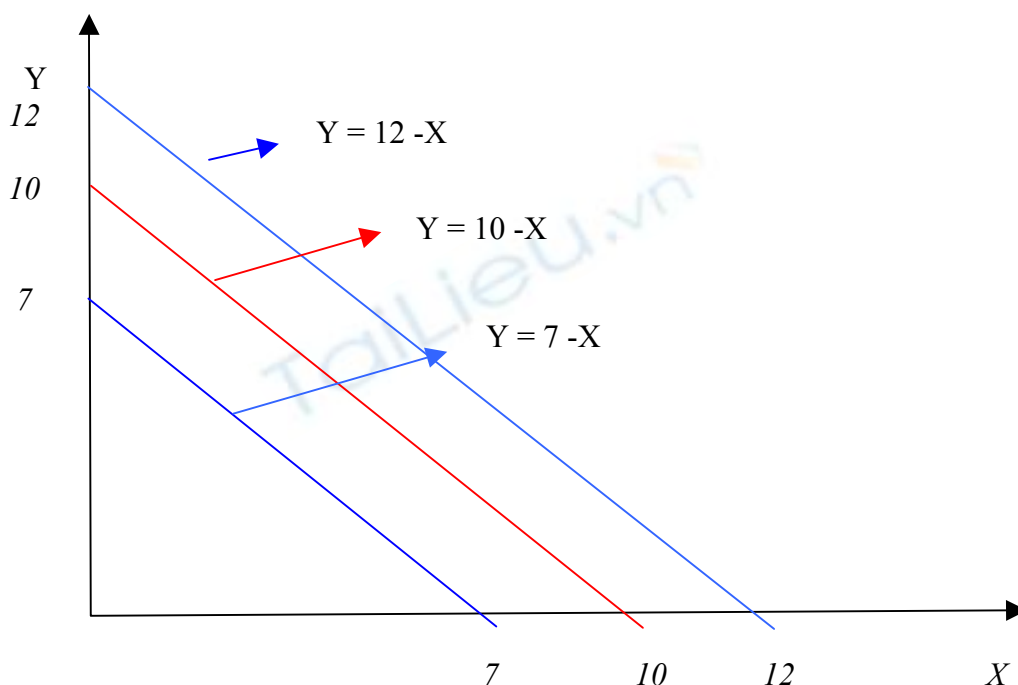
Hình 1.8 Biểu diễn đồ thị của hàm tuyến tính khi thay đổi hệ số góc



Thay đổi điểm chặn

Từ hàm $Y = 10 - X$, chúng ta giữ nguyên hệ số góc và thay đổi giá trị của a, giả sử cho hàm số $Y = 12 - X$ và $Y = 7 - X$

Nếu biểu diễn trên đồ thị, thì đồ thị sẽ chuyển dịch song song với đồ thị ban đầu theo hướng lên hoặc xuống, lúc này hệ số góc của đồ thị không thay đổi (hình 1.9)



Hình 1.8 Biểu diễn đồ thị khi thay đổi điểm chặn của hàm tuyến tính

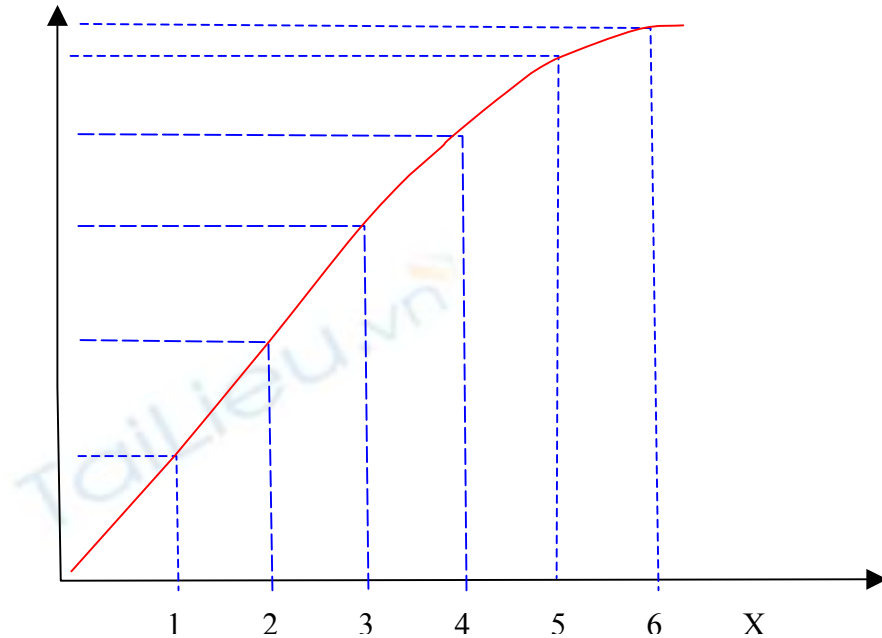
● Y là hàm phi tuyến của X

Trong trường hợp này X là hàm bậc hai hoặc là đa thức bậc cao như bậc ba, bậc bốn và có thể là hàm đặc biệt logaric. Trong trường hợp này một sự thay đổi của X có thể có hiệu quả khác nhau trong sự thay đổi của y . Ở những đơn vị X đầu tiên khi tăng x thì Y thay đổi nhanh từ 0 đến 14 sau đó tăng X từ 5 đến 6 thì Y tăng từ 50 đến 54, nó chịu tác động của quy luật hiệu suất giảm dần

Đồ thị hàm phi tuyến

Đồ thị của hàm phi tuyến cũng không phức tạp. Với hàm phi tuyến đã cho $Y = 15X - X^2$, đây là phương trình bậc hai nên đồ thị của nó đường cong

lồi, góc của đường cong giảm dần khi tăng dần X. Hình dạng đường cong phản ánh quy luật hiệu suất giảm dần (hình 1.10)



Hình 1.10 Biểu diễn đồ thị của hàm phi tuyến

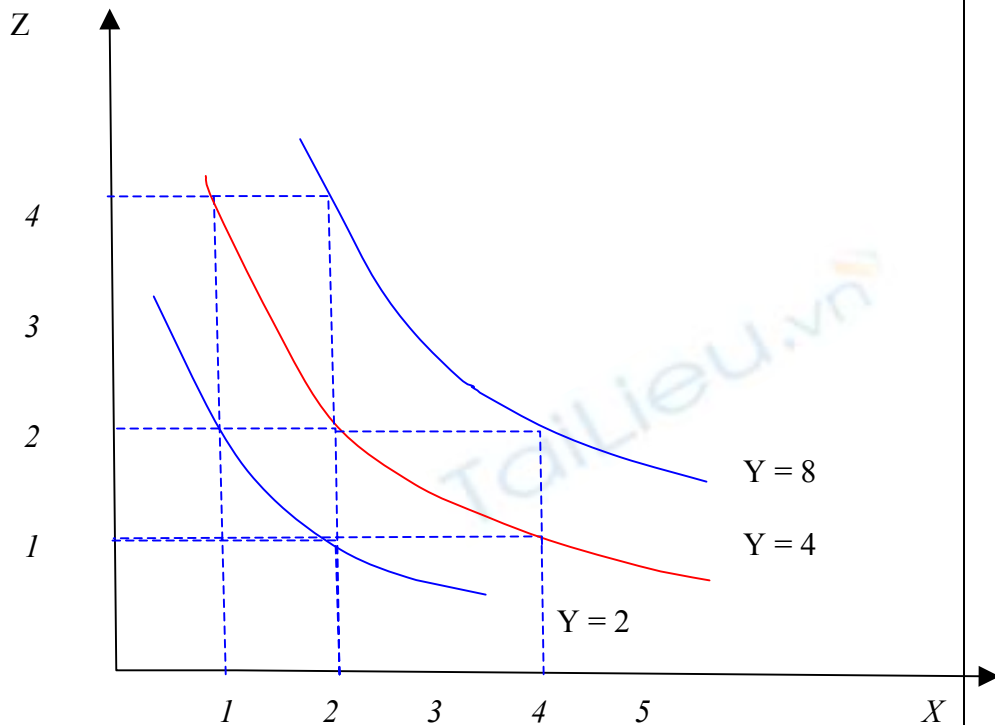
Hàm với hai hay nhiều biến số

Trong kinh tế người ta thường gặp hàm với sự thay đổi của nhiều biến số. Ví dụ mức tiêu thụ xe máy của một doanh nghiệp phụ thuộc vào giá của hàng hoá, thu nhập của người tiêu dùng, sở thích v...v.....Hàm số này có thể biểu diễn dưới dạng $Y = f(X,Z)$. Trong hàm này cho thấy giá trị của Y phụ thuộc vào giá trị của hai biến độc lập X, Z

Giả sử có hàm $Y = X.Z$

Bây giờ thay đổi tuần tự giá trị của X và Z thì giá trị của Y thay đổi như thế nào? (Bảng 1.3)

Hình 1.11 Đồ thị hàm hai biến



X	Z	Y
1	1	1
1	2	2
1	3	3
1	4	4
2	1	2
2	2	4
2	3	6
2	4	8
3	1	3
3	2	6
3	3	9
3	4	12
4	1	4
4	2	8
4	3	12
4	4	16

Hệ phương trình

Trong kinh tế người ta cũng sử dụng hệ phương trình để giải các bài toán cân bằng. Khi hai biến X và Y có quan hệ trong hai phương trình khác nhau, giá trị của X và Y thoả mãn cả hai phương trình

$$\begin{aligned} \text{Ví dụ} \quad X + Y &= 3 \\ X - Y &= 1 \end{aligned} \quad (1.8)$$

Giải hệ phương trình này ta có giá trị của $X = 2$ và $Y = 1$. Hệ phương trình ảnh hưởng đến việc xác định giá trị của X và Y , chỉ giải một phương trình không thể xác định được giá trị của X và Y mà nó phụ thuộc vào cả hai

Thay đổi của hệ phương trình

Bây giờ ta cho một phương trình thay đổi thì giá trị của X và Y cũng thay đổi. Giả sử $X + Y = 5$

$$X - Y = 1 \quad (1.9)$$

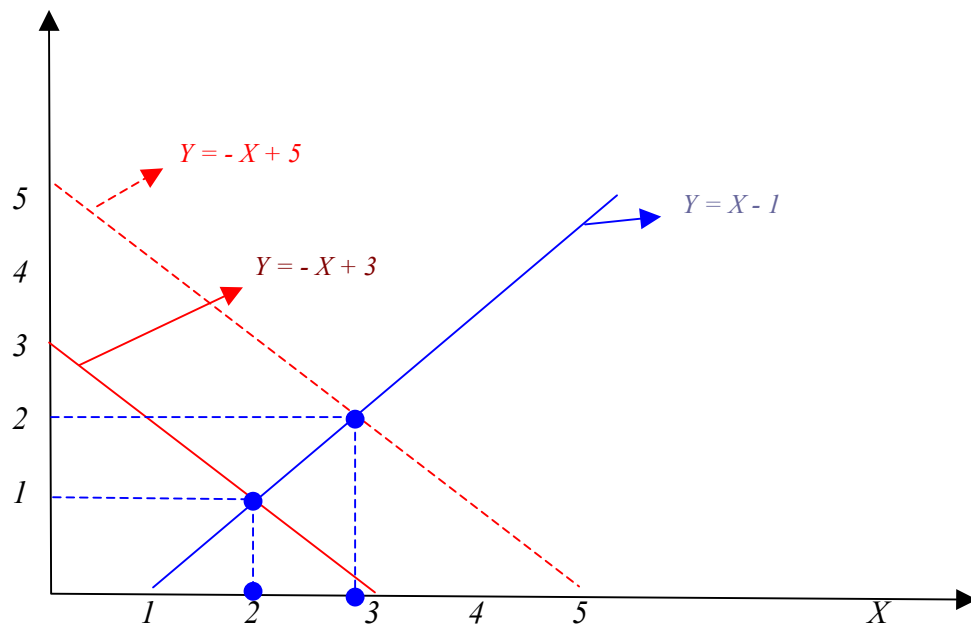
Kết quả $X = 3$ và $Y = 2$. Khi thay đổi một tham số trong phương trình đã cho sẽ đưa đến một kết quả hoàn toàn khác

Đồ thị của hệ phương trình

Bây giờ chúng ta biểu diễn cả hệ phương trình (1.8) trên một hệ trục tọa độ, đồ thị của hai phương trình này sẽ giao nhau tại một điểm với giá trị $(2,1)$. Điểm này là nghiệm số của hai phương trình.

Bây giờ thay đổi hằng số của phương trình 1, chuyển thành hệ phương trình (1.9). Kết quả sẽ có sự thay đổi, điểm giao của hệ phương trình mới sẽ là $(3,2)$. Chúng ta biểu diễn các hệ phương trình trên đồ thị hình 1.12

Hình 1.12 Biểu diễn đồ thị của hệ phương trình



Hệ phương trình này được sử dụng trong xác định cân bằng cung cầu đã được trình bày ở phần (I)

Ví dụ OPEC hàm cầu dầu thô trong một ngày là $Q_D = 72 - 0.5P$ (Q là triệu thùng ngày, p là Dola) . Hàm cung của OPEC là

$$Q_S = 62 + 0.2P$$

Cân bằng được xác định khi $Q_D = Q_S$ hay $72 - 0.5P = 62 + 0.2P$

Kết quả $Q_S = Q_D = 64.9$ và $P = 14.3$

Giả định OPEC quyết định giảm 2 triệu thùng ngày, lúc này hàm cung mới sẽ là $Q_S = 62 + 0.2P - 2 = 60 + 0.2P$

Cân bằng mới sẽ là $60 + 0.2P = 72 - 0.5P$ kết quả $Q_S = Q_D = 63.4$ và $P = 17.1$. Như vậy khi cung giảm giá cân bằng sẽ tăng và lượng cân bằng giảm

Minh hoạ trên đồ thị cân bằng cung cầu với các giá trị trên

3. Kinh tế lượng

Chúng ta đã thảo luận trong chương 1, các nhà kinh tế không chỉ liên quan đến việc phân chia các mô hình của thế giới hiện thực. Họ còn thiết lập giá trị của các mô hình kinh tế được xem xét trong thế giới hiện thực

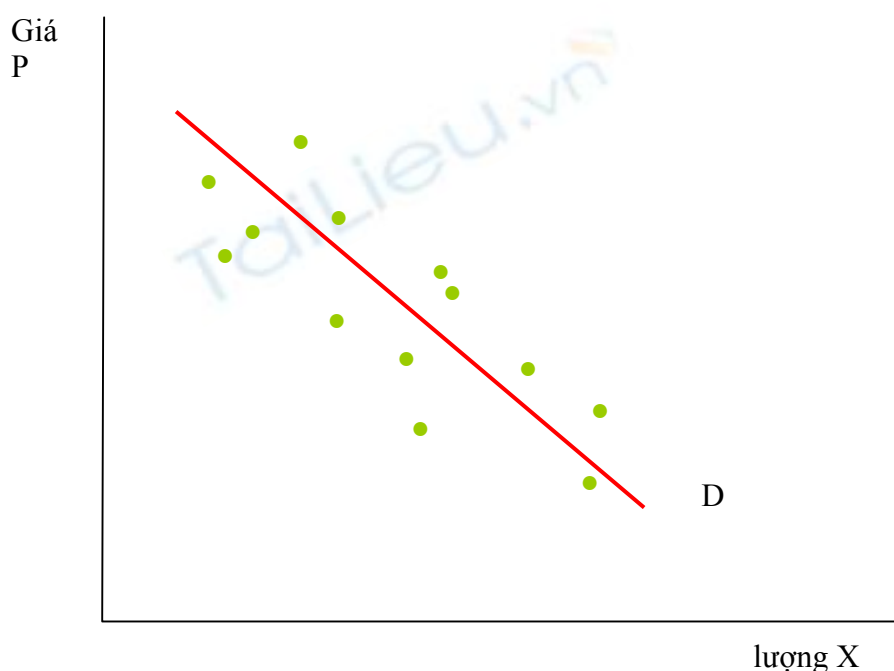
Công cụ được sử dụng trong mục đích này là kinh tế lượng. Bởi vì nhiều sự áp dụng được xem xét trong quyển sách này đều thu được từ việc nghiên cứu kinh tế lượng. Bởi vậy kinh tế lượng ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế

Khi sử dụng kinh tế lượng chúng ta cần nghiên cứu hai vấn đề liên quan đến kinh tế lượng: *Tác động ngẫu nhiên và các biến số khác không đổi (ceteris paribus)*

Tác động ngẫu nhiên

Trong thực tế mối quan hệ giữa các biến số phân phối rất ngẫu nhiên. Với các biến số khác được xác định thì các dữ liệu thực tế không hoàn toàn nằm trên đường cầu, bởi các biến số ngẫu nhiên được biểu hiện các chấm trên đồ thị hình 1.13 và có chiều đi xuống. Để tìm ra mối quan hệ có tính quy luật người ta thường sử dụng các công cụ thống kê

Hình 1.13 Xác định đường cầu từ số liệu thực tế



- ***Các biến số khác không đổi (ceteris - paribus)***

Các hiện tượng kinh tế tồn tại trong thực chế chịu tác động của nhiều biến số. Để đơn giản hoá quá trình nghiên cứu, người thường đưa ra giả định các biến số khác không đổi để nghiên cứu một biến ảnh hưởng như thế nào đến hiện tượng đang nghiên cứu. Đó là vấn đề thường được đề cập trong nghiên cứu kinh tế

● ***Bài đọc thêm***

Chương 2

LỢI ÍCH VÀ CẦU

Hàng ngày con người phải đối mặt với nhiều vấn đề mà họ cần phải giải quyết, như họ phải thức dậy vào lúc mấy giờ, sáng nay phải làm công việc gì, cần ăn thức ăn nào, tối này sẽ làm gì v.v.....Để thực hiện điều đó họ phải tiến hành lựa chọn. Trong chương này chúng ta sẽ bàn đến thái độ của người tiêu dùng liên quan đến sự lựa chọn này

Chúng ta sẽ xem xét thái độ của người tiêu dùng ứng xử trong việc phân phối thu nhập cho các hàng hoá và dịch vụ trên thị trường như thế nào? sự thay đổi giá cả hàng hoá hoặc dịch vụ và thu nhập sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự lựa chọn của họ

Lý thuyết lựa chọn tìm cách lý giải tác động của sự ưa thích và sự ràng buộc đến hành vi lựa chọn của con người

2.1. Lợi ích và sự lựa chọn

2.1.1 Lợi ích

Lợi ích thể hiện sự thích thú, sự thoả mãn mà con người nhận được từ các hoạt động của họ. Khái niệm này rất rộng, ở đây chúng ta chỉ đơn giản hoá quá trình nghiên cứu bằng việc phân tích lợi ích nhận được từ việc tiêu dùng hai hàng hoá. Chúng ta xem xét con người phân phối thu nhập của họ cho hai hàng hoá như thế nào và từ đó chúng ta có thể suy rộng ra cho nhiều hàng hoá

Giả định các biến số khác không thay đổi(ceteri- paribus)

Mỗi hiện tượng kinh tế chịu tác động của nhiều biến số, để đơn giản hoá trong trường hợp này chúng ta giả định các biến số khác tác động đến sự lựa chọn không thay đổi

Lợi ích từ việc tiêu dùng hai hàng hoá

Chúng ta giả định của người tiêu dùng lựa chọn tiêu dùng hai hàng hoá X và Y. Lợi ích của người tiêu dùng sẽ phụ thuộc vào số lượng hàng hoá X và Y. Chúng ta có thể biểu diễn mối quan hệ giữa lợi ích và lượng hàng hóa tiêu dùng dưới dạng hàm lợi ích như sau

$$U = f(x, y, \text{đồ vật khác}) \quad (2.1)$$

Lợi ích của người tiêu dùng trong một thời gian phụ thuộc vào số lượng hàng hoá X và Y tiêu dùng

Đo lường lợi ích như thế nào? lợi ích là một khái niệm rất trừu tượng. trong phân tích kinh tế lợi ích được thể hiện bằng sự ưa thích túi hàng này hay là túi hàng kia. Người ta đánh số cho từng túi hàng, nếu túi hàng A được ưa thích hơn túi hàng B thì đánh số của A lớn hơn số của B ..v....v.....

Giả thiết về sự ưa thích của người tiêu dùng

Với một số lượng không lồ về hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế cung cấp và sự đa dạng về thị hiếu của cá nhân người tiêu dùng làm sao chúng ta có thể mô tả được sự ưa thích của người tiêu dùng một cách hợp lý? Đơn giản hoá là người ta biểu diễn sở thích của người tiêu dùng bằng cách so sánh các túi hàng trên thị trường. Một túi hàng trên thị trường chỉ là một tập hợp của một hay nhiều hàng hoá

Giả định các túi hàng khác nhau được thể hiện ở bảng 2.1

Túi hàng	Đơn vị thực phẩm	Đơn vị giải khát
A	15	50
B	20	30
C	40	20
D	30	40
E	15	20
F	10	40

Để nghiên cứu sự ưa thích của người tiêu dùng chúng ta đưa ra các giả thiết sau